

**NGHỊ ĐỊNH**  
**QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**  
**TRONG LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN<sup>1</sup>**

Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn,<sup>2</sup> có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 65/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến hành vi đăng, phát, cung cấp, đưa tin, công bố thông tin sai sự thật, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015;

2. Nghị định số 84/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn,<sup>3</sup> có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017;

3. Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020;

4. Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022;

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn ngày 02 tháng 12 năm 1994;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn<sup>4</sup>.*

---

<sup>1</sup>Cụm từ “đo đạc và bản đồ” được bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 24 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

<sup>2</sup>Cụm từ “đo đạc và bản đồ” được bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 24 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

<sup>3</sup>Cụm từ “đo đạc và bản đồ” được bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 24 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

## Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn<sup>5</sup>.

2.<sup>6</sup> Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn gồm: vi phạm các quy định về dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; vi phạm các quy định về quản lý, khai thác mạng lưới trạm khí tượng thủy văn; vi phạm các quy định về cung cấp, khai thác, sử dụng, trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn; vi phạm các

<sup>4</sup> 1. Nghị định số 65/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến hành vi đăng, phát, cung cấp, đưa tin, công bố thông tin sai sự thật có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến hành vi đăng, phát, cung cấp, đưa tin, công bố thông tin sai sự thật.”*

2. Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ.”*

3. Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Chính phủ ban hành Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ.”*

4. Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ.”*

<sup>5</sup> Cụm từ “đo đạc và bản đồ” bị bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 24 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

<sup>6</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

quy định về tác động vào thời tiết và các hành vi vi phạm khác về khí tượng thủy văn quy định tại Nghị định này.

### 3.<sup>7</sup> (được bãi bỏ)

4. Các hành vi vi phạm hành chính có liên quan đến lĩnh vực khí tượng thủy văn, mà không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng<sup>8</sup>**

Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn;<sup>9</sup> người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính; tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Không áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 65/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến hành vi đăng, phát, cung cấp, đưa tin, công bố thông tin sai sự thật để xử phạt vi phạm hành chính đối với cơ quan báo chí.

Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với cơ quan báo chí được thực hiện theo Điều 8 Nghị định số 159/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản.

## **Điều 2a. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, các hành vi vi phạm đã kết thúc, các hành vi vi phạm đang thực hiện<sup>10</sup>**

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, các hành vi vi phạm được xác định là đã kết thúc và thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm, các hành vi vi phạm đang được thực hiện trong lĩnh vực khí tượng thủy văn được quy định như sau:

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn là 01 năm.

2. Các hành vi vi phạm được xác định là đã kết thúc và thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm như sau:

Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là thời điểm tổ chức, cá nhân kết thúc thời hạn báo cáo, thông báo, kê khai, nộp hồ sơ hoặc công khai, lấy ý kiến theo quy định tại Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy

<sup>7</sup> Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

<sup>8</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 65/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến hành vi đăng, phát, cung cấp, đưa tin, công bố thông tin sai sự thật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015.

<sup>9</sup> Cụm từ “đo đạc và bản đồ” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

<sup>10</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ) đối với các hành vi vi phạm sau đây:

a) Hành vi không tổ chức hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong thời gian 12 tháng liên tục kể từ khi được cấp giấy phép mà không thông báo lý do cho cơ quan cấp giấy phép tại khoản 4 Điều 5 về vi phạm quy định về giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

b) Hành vi vi phạm quy định về gian lận trong việc kê khai nội dung đề nghị cấp giấy phép tại điểm a khoản 5 Điều 5 về vi phạm quy định về giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

c) Hành vi không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ kết quả hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn tại khoản 2 Điều 5a Nghị định này về vi phạm quy định về hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

d) Hành vi không thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và cơ quan quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn cấp tỉnh nơi đặt trạm sau khi giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng tại khoản 1 Điều 7a về vi phạm quy định về thành lập, di chuyển, giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của tổ chức, cá nhân;

đ) Hành vi không thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và cơ quan quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn cấp tỉnh nơi đặt trạm sau khi di chuyển trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng tại khoản 2 Điều 7a về vi phạm quy định về thành lập, di chuyển, giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của tổ chức, cá nhân;

e) Hành vi không thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và cơ quan quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn cấp tỉnh nơi đặt trạm sau khi thành lập trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng tại khoản 3 Điều 7a về vi phạm quy định về thành lập, di chuyển, giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của tổ chức, cá nhân;

g) Hành vi không báo cáo về hoạt động trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 9b về vi phạm quy định về trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

h) Hành vi không thông báo công khai cho cộng đồng dân cư trong khu vực biết trước khi tiến hành tác động vào thời tiết tại khoản 3 Điều 9c về vi phạm các quy định về tác động vào thời tiết.

3. Đối với các hành vi vi phạm khác quy định tại Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ) do không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn, thời điểm kết thúc

hành vi vi phạm là thời điểm mà tổ chức, cá nhân kết thúc nghĩa vụ phải thực hiện quy định hoặc thời điểm tổ chức, cá nhân bắt đầu thực hiện đúng quy định.

4. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này nhưng đã được thực hiện xong trước thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm thì cũng được xác định là hành vi vi phạm đã kết thúc.

5. Trường hợp hành vi vi phạm bị phát hiện khi chưa kết thúc nghĩa vụ phải thực hiện quy định hoặc tổ chức, cá nhân chưa thực hiện đúng quy định thì được coi là hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện.

### **Điều 3. Hình thức, mức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả<sup>11</sup>**

#### 1. Hình thức xử phạt chính, mức xử phạt

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn,<sup>12</sup> bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

##### a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn,<sup>13</sup> là 50.000.000 đồng đối với cá nhân và 100.000.000 đồng đối với tổ chức;

##### c)<sup>14</sup> Tước quyền sử dụng giấy phép từ 03 (ba) tháng đến 12 (mười hai) tháng.

#### 2.<sup>15</sup> Hình thức xử phạt bổ sung

##### a) Đình chỉ hoạt động từ 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) tháng;

b) Đình chỉ hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đã cấp phép từ 03 (ba) tháng đến 12 (mười hai) tháng;

##### c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm.

3.<sup>16</sup> Biện pháp khắc phục hậu quả được quy định cụ thể tại khoản 5, khoản 7, khoản 8, khoản 10, khoản 12, khoản 13 và khoản 15 Điều 1 Nghị định này<sup>17</sup> của Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn,<sup>18</sup> gồm:

<sup>11</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

<sup>12</sup> Cụm từ “đo đạc và bản đồ” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

<sup>13</sup> Cụm từ “đo đạc và bản đồ” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

<sup>14</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

<sup>15</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

<sup>16</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

<sup>17</sup> Chương III được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

<sup>18</sup> Cụm từ “đo đạc và bản đồ” được bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 24 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

- a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;
- b)<sup>19</sup> Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép, phá dỡ phần sai phạm của công trình, nhà cao tầng trong phạm vi hành lang kỹ thuật của công trình khí tượng thủy văn đối với hành vi vi phạm;
- c)<sup>20</sup> Buộc thu hồi sản phẩm có được do thực hiện hành vi vi phạm; buộc nộp lại giấy phép bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp;
- d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm;
- đ) Buộc hủy bỏ kết quả, sản phẩm, số liệu, bản tin, ấn phẩm có được do thực hiện hành vi vi phạm;
- e) Buộc cung cấp thông tin, dữ liệu còn thiếu, bổ sung thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn được cập nhật đến năm gần nhất đối với hành vi vi phạm;
- g) Buộc tổ chức thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn đối với hành vi vi phạm;
- h) Buộc chặt phá cây hoặc di dời cây, di dời công trình, phương tiện, thiết bị đối với hành vi vi phạm;
- i) Buộc sửa chữa hoặc xây dựng lại công trình khí tượng thủy văn, mốc độ cao, mốc giới hành lang kỹ thuật của công trình khí tượng thủy văn đối với hành vi vi phạm;
- k) Buộc thu hồi các bản tin đã ban hành đối với hành vi vi phạm;
- l) Buộc xin cấp lại giấy phép đối với hành vi vi phạm;
- m) Buộc cải chính thông tin gian lận, sai lệch đã truyền, phát, cung cấp đối với các hành vi vi phạm.

#### **Điều 4. Áp dụng mức phạt tiền trong xử phạt hành chính**

1. Mức phạt tiền quy định tại Chương II,<sup>21</sup> Nghị định này là mức phạt đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền với cùng hành vi vi phạm hành chính của cá nhân.

2. Thẩm quyền phạt tiền của những người được quy định tại các Điều 17, 18 và Điều 19 Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền đối với hành vi vi phạm của tổ chức, người có thẩm quyền được xử phạt gấp 02 lần mức xử phạt đối với cá nhân.

<sup>19</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

<sup>20</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

<sup>21</sup> Chương III được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

**Chương II**  
**HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG**  
**THỦY VĂN, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC PHẠT VÀ BIỆN PHÁP**  
**KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 5. Vi phạm quy định về giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn<sup>22</sup>**

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Hoạt động không đúng với nội dung ghi trong giấy phép;
- b) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung giấy phép;
- c) Hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn khi giấy phép đã hết hạn.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi giao cho cá nhân, tổ chức sử dụng giấy phép hoặc sử dụng giấy phép của cá nhân, tổ chức trái quy định.

3. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn không có giấy phép.

4. Tước quyền sử dụng giấy phép từ 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) tháng đối với hành vi không tổ chức hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong thời gian 12 tháng liên tục kể từ khi được cấp giấy phép mà không thông báo lý do cho cơ quan cấp giấy phép.

5. Tước quyền sử dụng giấy phép từ 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Gian lận trong việc kê khai nội dung đề nghị cấp giấy phép;
- b) Tiếp tục hoạt động khi đã có quyết định đình chỉ hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

6. Tước quyền sử dụng giấy phép từ 12 (mười hai) tháng đến 24 (hai bốn) tháng đối với hành vi lợi dụng giấy phép thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đã cấp phép từ 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi các bản tin đã ban hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

<sup>22</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

b) Buộc xin cấp lại giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 và khoản 6 Điều này;

d) Buộc hủy bỏ bản tin, ấn phẩm có được đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều này.

**Điều 5a. Vi phạm quy định về hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn<sup>23</sup>**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi ban hành bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn 03 lần liên tiếp trong 01 tháng không đủ độ tin cậy.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ kết quả hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Không tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật về dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;
- b) Không tuân thủ quy trình kỹ thuật, quy trình đánh giá chất lượng trong dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đã cấp phép từ 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đã cấp phép từ 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

**Điều 6. Vi phạm quy định về truyền, phát bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn<sup>24</sup>**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi truyền, phát bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn mà không nêu rõ nguồn gốc bản tin.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi truyền, phát bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn không có nguồn gốc.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi truyền, phát không đầy đủ nội dung bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi truyền, phát bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn chậm so với thời gian quy định.

<sup>23</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

<sup>24</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.



5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Không truyền, phát bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn;
- b) Gian lận về nguồn gốc bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn khi truyền, phát;
- c) Truyền, phát sai lệch bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin gian lận, sai lệch đã truyền, phát đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 5 Điều này.

7. Cơ quan báo chí vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm b, điểm c khoản 5 Điều này thì xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về báo chí.

**Điều 7. Vi phạm quy định về công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn<sup>25</sup>**

1. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi quan trắc không đúng vị trí theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Không bảo đảm yếu tố quan trắc tối thiểu theo quy định;
- b) Không bảo đảm tần suất quan trắc tối thiểu theo quy định;
- c) Quan trắc không đúng thời gian quy định.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc chậm so với thời gian quy định;
- b) Cung cấp không đầy đủ thông tin, dữ liệu quan trắc.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc.

5. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cung cấp thông tin, dữ liệu còn thiếu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều này.

**Điều 7a. Vi phạm quy định về thành lập, di chuyển, giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của tổ chức, cá nhân<sup>26</sup>**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và cơ quan quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn cấp tỉnh nơi đặt trạm sau khi giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.

<sup>25</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

<sup>26</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và cơ quan quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn cấp tỉnh nơi đặt trạm sau khi di chuyển trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và cơ quan quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn cấp tỉnh nơi đặt trạm sau khi thành lập trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.

**Điều 8. Vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn<sup>27</sup>**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Đốt lửa, phun nước ảnh hưởng đến công trình thuộc trạm khí tượng;
- b) Cắm đống đá, ngâm tre, luồng, nứa, lá, gỗ trong hành lang kỹ thuật của công trình thuộc trạm thủy văn, trạm hải văn.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Trồng cây lâu năm trong hành lang kỹ thuật che chắn công trình khí tượng thủy văn;
- b) Cản trở vận hành, khai thác công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Lấy nước, xả nước trong hành lang kỹ thuật của công trình thủy văn mà không có giấy phép;
- b) Neo đậu các phương tiện vận tải thủy vào công trình khí tượng thủy văn.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Lấn, chiếm khoảng không, diện tích mặt đất, dưới đất, mặt nước, dưới nước của công trình khí tượng thủy văn;
- b) Đắp đập, chặn dòng trong hành lang kỹ thuật của công trình thuộc trạm thủy văn;
- c) Đào bới lòng sông, hai bên bờ sông, khai thác cát, sỏi, vàng sa khoáng trong hành lang kỹ thuật của công trình thuộc trạm thủy văn;
- d) Đổ rác thải, chất thải và các vật liệu xây dựng khác vào lòng sông, hai bên bờ sông trong hành lang kỹ thuật của công trình thuộc trạm thủy văn;
- đ) Đặt các công trình, thiết bị sinh nhiệt ở khu vực công trình thuộc trạm khí tượng.

5. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi dịch chuyển mốc giới hành lang kỹ thuật của công trình khí tượng thủy văn.

<sup>27</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi xâm hại, va đập làm ảnh hưởng, hư hỏng công trình khí tượng thủy văn, mốc độ cao, mốc giới hành lang kỹ thuật của công trình khí tượng thủy văn.

7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình, nhà cao tầng che chắn công trình khí tượng thủy văn trong phạm vi hành lang kỹ thuật.

8. Phạt tiền đối với hành vi làm hỏng phương tiện đo, thiết bị thông tin và các thiết bị kỹ thuật khác của công trình khí tượng thủy văn như sau:

a) Từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi làm hỏng phương tiện đo, thiết bị thông tin và các thiết bị kỹ thuật có giá trị dưới 10.000.000 đồng;

b) Từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi làm hỏng phương tiện đo, thiết bị thông tin và các thiết bị kỹ thuật có giá trị dưới 50.000.000 đồng;

c) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi làm hỏng phương tiện đo, thiết bị thông tin và các thiết bị kỹ thuật có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

d) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi làm hỏng phương tiện đo, thiết bị thông tin và các thiết bị kỹ thuật có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;

đ) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi làm hỏng phương tiện đo, thiết bị thông tin và các thiết bị kỹ thuật có giá trị từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng;

e) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi làm hỏng phương tiện đo, thiết bị thông tin và các thiết bị kỹ thuật có giá trị trên 500.000.000 đồng.

9. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 và khoản 6 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc chặt phá hoặc di dời cây đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

<sup>28</sup> b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 1; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 4 và khoản 5 Điều này;

c) Buộc di dời công trình, phương tiện, thiết bị đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này;

d) Buộc sửa chữa, xây dựng lại công trình khí tượng thủy văn, mốc độ cao, mốc giới hành lang kỹ thuật của công trình khí tượng thủy văn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này;

<sup>28</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

đ) Buộc phá dỡ phần sai phạm của công trình, nhà cao tầng trong phạm vi hành lang kỹ thuật của công trình khí tượng thủy văn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này.

**Điều 8a. Vi phạm quy định về quan trắc đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của tổ chức, cá nhân<sup>29</sup>**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật về quan trắc khí tượng thủy văn.

2. Hành vi vi phạm quy định về sử dụng, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn thì xử phạt theo quy định của pháp luật về đo lường.

**Điều 9. Vi phạm quy định về cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn<sup>30</sup>**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn không đúng thẩm quyền;

b) Giao nộp không đầy đủ thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn cho cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không giao nộp, cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn;

b) Che giấu thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn;

c) Cung cấp sai lệch thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cung cấp thông tin, dữ liệu còn thiếu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc cải chính thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

**Điều 9a. Vi phạm quy định về khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn<sup>31</sup>**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không cập nhật thông tin, dữ liệu đến năm gần nhất trong tư vấn, thiết kế, đầu tư xây dựng công trình, dự án.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn không đúng mục đích so với yêu cầu cung cấp.

<sup>29</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 09 năm 2017.

<sup>30</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

<sup>31</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn được cung cấp miễn phí để thực hiện các hoạt động mua bán, trao đổi vì mục đích lợi nhuận.

4. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn không có nguồn gốc rõ ràng trong tư vấn, thiết kế, đầu tư xây dựng công trình, dự án;

b) Sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn không được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp xác nhận trong tư vấn, thiết kế, đầu tư xây dựng công trình, dự án.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn được cập nhật đến năm gần nhất đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

**Điều 9b. Vi phạm quy định về trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên<sup>32</sup>**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi trái với văn bản đồng ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường như sau:

a) Mục đích trao đổi thông tin, dữ liệu;

b) Tên, địa chỉ của tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài được trao đổi thông tin, dữ liệu;

c) Loại thông tin, số lượng thông tin, dữ liệu được trao đổi;

d) Thời gian trao đổi thông tin, dữ liệu;

đ) Hình thức trao đổi thông tin, dữ liệu;

e) Thời hạn trao đổi thông tin, dữ liệu.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo về hoạt động trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài theo thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu không có văn bản đồng ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 9c. Vi phạm các quy định về tác động vào thời tiết<sup>33</sup>**

<sup>32</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

<sup>33</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng kế hoạch tác động vào thời tiết đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không điều chỉnh kế hoạch tác động vào thời tiết khi có sự thay đổi về một trong các nội dung cơ bản của kế hoạch tác động vào thời tiết quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật khí tượng thủy văn và nhân sự nêu trong kế hoạch tác động vào thời tiết đã được phê duyệt dẫn tới ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch;

b) Không điều chỉnh kế hoạch tác động vào thời tiết khi có sự biến động khách quan về điều kiện khí tượng thủy văn, quốc phòng, an ninh có ảnh hưởng tới việc thực hiện kế hoạch tác động vào thời tiết;

c) Không điều chỉnh kế hoạch tác động vào thời tiết khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo công khai cho cộng đồng dân cư trong khu vực biết trước khi tiến hành tác động vào thời tiết.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, giảm thiểu tác động tiêu cực theo kế hoạch đã phê duyệt;

b) Tác động vào thời tiết mà không có kế hoạch được phê duyệt.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

### **Chương III<sup>34</sup>**

### **Chương IV<sup>35</sup>**

## **Điều 17. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp<sup>36</sup>**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

<sup>34</sup> Chương này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

<sup>35</sup> Tên Chương này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

<sup>36</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;
- c)<sup>37</sup> Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:
- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- c)<sup>38</sup> Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm k, điểm m, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);
- đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:
- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c)<sup>39</sup> Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định này;
- đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

### **Điều 18. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành<sup>40</sup>**

1. Thanh tra viên chuyên ngành, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường đang thi hành công vụ có quyền:
- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

<sup>37</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm a khoản 5 Điều 3 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

<sup>38</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm b khoản 5 Điều 3 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

<sup>39</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm c khoản 5 Điều 3 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

<sup>40</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 thuộc khoản 4 Điều 1 Nghị định này;

d)<sup>41</sup> Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c)<sup>42</sup> Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định này;

đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng;

c)<sup>43</sup> Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định này;

đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c)<sup>44</sup> Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

<sup>41</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm a khoản 6 Điều 3 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

<sup>42</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm b khoản 6 Điều 3 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

<sup>43</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 3 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.



d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định này;

đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

**Điều 19. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Kiểm lâm, Cơ quan thuế, Quản lý thị trường, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy nội địa, Thanh tra chuyên ngành khác**

1. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Công an, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Kiểm lâm, Cơ quan thuế, Quản lý thị trường, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa có thẩm quyền xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II và <sup>45</sup> Nghị định này theo quy định tại các Điều 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 47 và Điều 52 Luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn quản lý và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan thanh tra chuyên ngành có thẩm quyền xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II <sup>46</sup> Nghị định này thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lý theo quy định tại Điều 46 và Điều 52 Luật xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 19a. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn của lực lượng Công an nhân dân<sup>47</sup>**

Lực lượng Công an nhân dân có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 10, khoản 14 và khoản 15 Điều 1 Nghị định này, cụ thể như sau:

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền: Phạt cảnh cáo.
2. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;
  - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

<sup>44</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 3 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

<sup>45</sup> Chương này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

<sup>46</sup> Chương này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

<sup>47</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).

3. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đoàn trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

đ) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

4. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

đ) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

5. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Tư lệnh Cảnh sát cơ động.

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).

**Điều 19b. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng, thủy văn của Bộ đội biên phòng<sup>48</sup>**

Bộ đội biên phòng có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 10, khoản 14 và khoản 15 Điều 1 Nghị định này tại khu vực biên giới thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ đội biên phòng, cụ thể như sau:

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.
2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.
3. Đội trưởng Đội Đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn Đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;
  - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
  - d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).
4. Đoàn trưởng Đoàn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
  - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
  - d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm h và điểm i khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).
5. Đoàn trưởng Đoàn Đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;

<sup>48</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 3 của Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm d, điểm h và điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).

6. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

đ) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

**Điều 19c. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn của Cảnh sát biển<sup>49</sup>**

Cảnh sát biển có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 10, khoản 14 và khoản 15 Điều 1 Nghị định này thuộc phạm vi trách nhiệm của Cảnh sát biển, cụ thể như sau:

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng.
2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.
3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:
  - a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;
  - c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).

<sup>49</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 3 của Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);
- đ) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).

**Điều 19d. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy nội địa<sup>50</sup>**

Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13, khoản 14 và khoản 15 Điều 1 Nghị định này thuộc phạm vi trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy nội địa, cụ thể như sau:

1. Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải, Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không, Trưởng đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Giám đốc Cảng vụ hàng không, Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ, điểm h, điểm i khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

đ) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

**Điều 19đ. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn của thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải, công thương, nông nghiệp và phát triển nông thôn, khoa học và công nghệ, xây dựng<sup>51</sup>**

Thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải, công thương, nông nghiệp và phát triển nông thôn, khoa học và công nghệ, xây dựng có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13, khoản 14 và khoản 15 Điều 1 Nghị định này, cụ thể như sau:

1. Thanh tra viên chuyên ngành, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải, công thương, nông nghiệp và phát triển nông thôn, khoa học và công nghệ, xây dựng đang thi hành công vụ có quyền:

<sup>50</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

<sup>51</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 3 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Chánh Thanh tra Sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Bộ trưởng và Chánh Thanh tra các Bộ: Giao thông vận tải, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

### **Điều 20. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính**

1. Người có thẩm quyền lập biên bản gồm:

a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn<sup>52</sup>.

b)<sup>53</sup> Chiến sĩ cảnh sát biên; công chức, viên chức thuộc các cơ quan quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn<sup>54</sup> và tại khoản 16, khoản 17, khoản 18 Điều 1 Nghị định này đang thi hành công vụ, nhiệm vụ.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản quy định tại khoản 1 Điều này có quyền lập biên bản hành chính về những vi phạm hành chính thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao theo mẫu quy định và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản.

3. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị lập biên bản một lần. Nếu một hành vi vi phạm hành chính đã bị lập biên bản thì không lập biên bản lần thứ hai đối với chính hành vi đó.

Trường hợp hành vi vi phạm đã bị lập biên bản mà sau đó cá nhân, tổ chức vẫn tiếp tục thực hiện, mặc dù người có thẩm quyền xử phạt đã buộc chấm dứt hành vi vi phạm, thì khi ra quyết định xử phạt đối với hành vi đó, người có thẩm quyền áp dụng thêm tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính.

4. Trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính trong cùng một vụ vi phạm hoặc vi phạm nhiều lần thì biên bản xử phạt phải thể hiện đầy đủ các hành vi vi phạm hoặc số lần vi phạm.

<sup>52</sup> Cụm từ “đo đạc và bản đồ” bị bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 24 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

<sup>53</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

<sup>54</sup> Cụm từ “đo đạc và bản đồ” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.



## Chương V

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH<sup>55</sup>

<sup>55</sup> 1. Điều 9 của Nghị định số 65/2015/NĐ-CP ngày 7 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến hành vi đăng, phát, cung cấp, đưa tin, công bố thông tin sai sự thật, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 quy định như sau:

**“Điều 9. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”

2. Điều 2, Điều 3 của Nghị định số 84/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017 quy định như sau:

**“Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

**Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà mới bị phát hiện hoặc đang được xem xét giải quyết thì áp dụng các quy định xử phạt theo hướng có lợi cho cá nhân, tổ chức.

2. Hành vi vi phạm đã có quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành nhưng chưa chấp hành hoặc chấp hành chưa xong thì thi hành theo quyết định xử phạt trước đó.”

3. Điều 24, Điều 25 và Điều 26 của Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 quy định như sau:

**“Điều 24. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

2. Nghị định này bãi bỏ khoản 3 Điều 1, Chương III và cụm từ “đo đạc và bản đồ” tại tên Nghị định, căn cứ ban hành, tên Chương IV, tại khoản 1 Điều 1, tại Điều 2, khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ; bãi bỏ cụm từ “đo đạc và bản đồ” tại Nghị định số 84/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ.

**Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Những hành vi vi phạm xảy ra trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa bị xử phạt mà đang được xem xét, giải quyết hoặc sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành mới bị phát hiện thì áp dụng theo quy định tại Nghị định số 173/2013/NĐ-CP và Nghị định số 84/2017/NĐ-CP để xử phạt. Trường hợp các quy định về xử phạt tại Nghị định này có lợi cho tổ chức, cá nhân thì áp dụng quy định tại Nghị định này để xử phạt.

2. Hành vi vi phạm đã có quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành nhưng chưa chấp hành hoặc chấp hành chưa xong thì thi hành theo quyết định xử phạt trước đó.

**Điều 26. Trách nhiệm thi hành**

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn thi hành Nghị định này.”

4. Điều 5 của Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022 quy định như sau:

**“Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

2. Điều khoản chuyển tiếp:

Đối với hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ quy định tại Nghị định này xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử lý. Trường hợp Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi đã xảy ra thì áp dụng các quy định Nghị định này để xử lý.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này.”

**Điều 21. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

2. Nghị định này thay thế các Nghị định sau đây:

a) Nghị định số 61/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn;

b) Nghị định số 30/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động.

**Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Những hành vi vi phạm xảy ra trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa bị xử phạt mà đang được xem xét, giải quyết hoặc sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành mới bị phát hiện thì áp dụng theo quy định tại Nghị định số 61/2008/NĐ-CP, Nghị định số 30/2005/NĐ-CP để xử phạt. Trường hợp các quy định về xử phạt quy định tại Nghị định này có lợi cho tổ chức, cá nhân thì áp dụng quy định tại Nghị định này để xử phạt.

2. Hành vi vi phạm đã có quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành nhưng chưa chấp hành hoặc chấp hành chưa xong thì thi hành theo quyết định xử phạt trước đó.

**Điều 23. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành**

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG****XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: /VBHN-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2022

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Sở TN&MT tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng tải);
- Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật (để đăng tải);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT;
- Công thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, TCKTTV.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG****Lê Công Thành**